

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST

Ngày 12- 9- 2018

V/v tranh chấp yêu cầu ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Kim Thủy

Ông Trần Văn Trọng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lưu Nhất T, sinh năm: 1965 (Có mặt)

Trú tại: 3D/Ô1 tổ 1, khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1974 (Vắng mặt)

Trú tại: 66B khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Lưu Nhất T trình bày :

Vào năm 2000, ông Lưu Nhất T và bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L (nay thuộc thị trấn Đ, huyện Đ) tỉnh BR-VT theo giấy chứng nhận kết hôn số 216 quyền số 02-2013 ngày 18 tháng 10 năm 2013.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống, xảy ra nhiều mâu thuẫn về vấn đề kinh tế trong gia đình vì bà H buôn bán thua lỗ làm cho gia đình rơi vào cảnh nợ nần, phải chuyển nhượng nhượng đất cho người khác để trả nợ. Đến năm 2015, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên ông T và bà H phải ly thân nhau. Trong thời gian ly thân thì bà H bỏ địa phương đi sinh sống nơi khác (hiện ở đâu thì ông T không rõ); ông T và các con thì về sống chung sống với cha mẹ ông T từ đó đến nay.

Trong thời gian ly thân, hai bên mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, không gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn. Nay, ông T xác định thời gian ly thân đã kéo dài nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về đoàn tụ đồng thời mâu thuẫn giữa hai người đã quá trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 người con chung là Lưu Minh Q, sinh ngày 6-3-2000 và Lưu Nguyễn Trúc L, sinh ngày 21-02-2002. Từ thời điểm ly thân đến nay, các con chung ở với ông T. Nay, cháu Q đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lao động, ông T không có yêu cầu gì; riêng cháu L, ông T yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu H:

Trong quá trình Tòa án giải quyết đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị Thu H vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã xác minh chính quyền địa phương về địa chỉ nơi cư trú thể hiện bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 66B, khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ nhưng bà H không thường xuyên sinh sống tại địa phương, những lần vắng khỏi địa phương thì bà H không báo nên địa phương không biết bà H đi đâu, làm gì.

Đại diện VKS nhân dân huyện Đất Đỏ phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H triệu tập nhiều lần không đến là vi phạm nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H có nơi cư trú tại huyện Đất Đỏ nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiền Hnh xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn:

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lưu Nhất T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L (nay thuộc thị trấn Đ, huyện Đ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 04 quyển I-2000 ngày 4 tháng 4 năm 2000. Do vậy, theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đủ cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2010 đến nay phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, cãi vã lẫn nhau về vấn đề kinh tế trong gia đình. Từ đó, đời sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc và phải ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Trong thời gian ly thân thì hai bên không gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay, ông T xác định vợ chồng đã ly thân nhau hơn 3 năm, không thể quay về đoàn tụ đồng thời tình cảm ông T dành cho bà H không còn nữa nên yêu cầu ly hôn.

Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập bà H nhiều lần đến hòa giải và tham gia phiên tòa nhằm tạo điều kiện để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng bà H đã không có mặt, bỏ mặc ông T muốn làm gì điều đó thể hiện bà H không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân của mình. Ngoài ra, qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi hai vợ chồng trước kia sinh sống thì được biết vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn là có thật và đã không còn sống chung với nhau từ năm 2010 đến nay. Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì “*Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*” nhưng vợ chồng ông T đã không sống chung với nhau nhiều năm mà không vì điều kiện bất khả kháng nào; khi ly thân hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ chia sẻ lẫn nhau và đã tự chia tách hộ khẩu ra riêng mỗi người một nơi. Điều đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó nên căn cứ khoản 01 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[2.2] Về con chung: Ông T xác định vợ chồng có 02 người con chung là Lưu Minh Q, sinh ngày 6-3-2000 và Lưu Nguyễn Trúc L, sinh ngày 21-02-2002.

Trong khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân thì ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Đối với cháu Q đã trên 18 tuổi, ông T không có yêu cầu gì nên không xem xét; đối với cháu L chưa thành niên đang sống ổn định với ông T, cháu phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần, theo nguyện vọng cháu mong muốn được ở với cha đồng thời bà H hiện nay không có nơi cư trú ổn định. Do đó, căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu L cho ông T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ông T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] **Về án phí:** Ông Lưu Nhất T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lưu Nhất T. Ông Lưu Nhất T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H.

2. *Về con chung:* Ông Lưu Nhất T được quyền trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên tên Lưu Nguyễn Trúc L, sinh ngày 21-02-2002 cho đến khi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:*

- Ông Lưu Nhất T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số TU/2017/0000476 ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Cơ quan Thi Hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Ông Lưu Nhất T đã nộp xong tiền án phí.

- Bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND thị trấn Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thanh Tuyền